

Bản án số : 177/2018/HNGĐ-ST
Ngày : 28/02/2018
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Đức

Các Hội Thẩm Nhân Dân:

- 1/ Ông Nguyễn Thành Lâm
2. Bà Nguyễn Thị Lương

- Thư ký phiên tòa : Ông Hoàng Chí Thành, Thư ký Tòa án nhận dân quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 28 tháng 02 năm 2018 Tòa án nhân dân quận Tân Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 937/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 về “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31/01/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trịnh Hoài V, sinh năm 1965.
Địa chỉ: Đường N, Phường B, quận T, TP. Hồ Chí Minh.
2. *Bị đơn:* Bà Đinh Thị Thu T, sinh năm 1965.(Có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Đường K, Phường B, quận T, TP. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Trịnh Hoài V đối với bà Đinh Thị Thu T được Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý và ông V bổ sung tại các bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ông V trình bày:

Ông với bà T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57/91 quyển số 01 đăng ký kết hôn tại UBND phường B, quận T, TP. Hồ Chí Minh ngày 03/4/1991, sau khi kết hôn ông bà sống tại phường 4, Tân Bình cho đến nay.

Ông bà sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn có nhiều bất đồng quan điểm sống, ông bà có sống ly thân hơn 4 năm nay. Ông V đã nhiều lần tìm cách hàn gắn hạnh phúc vợ chồng và để giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành; nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng hàn gắn đoàn tụ không có nên ông xin ly hôn với bà thảo đề ổn định cuộc sống.

Bà T trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông V về quan hệ hôn nhân.

Ông bà chung sống với nhau được 24 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông V có quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình, bà đã tìm mọi cách khuyên can để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không hiệu quả; đến tháng 5/2015 bà đã tự ý ly thân với ông V về sống tại gia đình bố mẹ ruột, từ đó cho đến nay mỗi người có cuộc sống riêng, sinh hoạt riêng.

Mặc dù tình cảm vợ chồng ông V đối với bà ngày càng lạnh lùng, không quan tâm đến bà nhưng bà vẫn còn thương ông V và vì bà theo đạo công giáo nên bà không chấp nhận ly hôn, bà mong ông V hồi tâm.

Về con chung:

Ông V bà T khai nhận có hai con chung tên Trịnh Hoài Đức, sinh ngày 26/02/1992 và Trịnh Khương Duy sinh ngày 14/3/1997; do con chung đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông V bà T khai nhận không có tài sản chung và không có nợ chung.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được do bà T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải; đồng thời bà nộp đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn:

Ông V vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu.

Bị đơn:

Đã nộp đơn xin xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử công bố bản tự khai của bà T ngày 13/11/2017 và đơn xin vắng mặt ngày 13/11/2017 ngày 23/01/2018. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và dành quyền kháng cáo cho bị đơn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa;

Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 57/91 quyển số 01 đăng ký kết hôn tại UBND phường B, quận T, TP. Hồ Chí Minh ngày 03/4/1991, thì quan hệ giữa ông V với bà T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay ông V xin ly hôn, xét đơn xin ly hôn của ông V là phù hợp với khoản 1 Điều 51 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo điểm a, điểm c khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về người tham gia tố tụng:

- Nguyên đơn: Ông Trịnh Hoài V nộp đơn khởi kiện tại Tòa án xin ly hôn với bà Đinh Thị Thu T, nên ông V tham gia tố tụng với tư cách nguyên đơn là hợp lệ.

- Bị đơn: Bà Đinh Thị Thu T là người ông V xin ly hôn, nên bà T tham gia tố tụng với tư cách bị đơn là hợp lệ.

[3]. Nội dung tranh chấp:

Ông V xin ly hôn, bà T không đồng ý. Đây là nội dung cần xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay;

Ông V vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu; ông bà sống chung với nhau trên 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn có nhiều bất đồng quan điểm sống, từ những mâu thuẫn nhỏ nhưng vợ chồng không cùng nhau giải quyết, dần dần dẫn đến mâu thuẫn lớn hơn và cả hai bên không giải quyết được làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng thêm lạnh nhạt, không còn quan tâm đến nhau, ông bà đã sống ly thân hơn 4 năm nay. Ông V đã nhiều lần tìm cách hàn gắn hạnh phúc vợ chồng và để giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành; nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng hàn gắn đoàn tụ không có nên ông xin ly hôn với bà T để ổn định cuộc sống.

Bà T nộp đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong bản tự khai ngày 13/11/2017 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình; bà cho rằng ông V có quan hệ với người phụ nữ khác nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh, nên từ đó ông V không quan tâm đến gia đình, bà có khuyên can nhưng không hiệu quả và bà đã tự ý ly thân với ông V từ tháng 5/2015 đến nay, từ đó cho đến nay mỗi người có cuộc sống riêng, sinh hoạt riêng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Những mâu thuẫn vợ chồng, những lý do ông V đưa ra để xin ly hôn đều rằng không có thật, nhưng tình cảm, hạnh phúc vợ chồng không thể xây dựng, vun đắp chỉ từ một bên mà phải từ sự đồng cảm, đồng lòng, từ sự chung thủy, hy sinh bản thân cùng sự ý thức xây dựng gia đình hạnh phúc của cả hai người. Nay ông V xin ly hôn, bà T đã nhận được thông báo thụ lý về việc ông V xin ly hôn với bà, Tòa án triệu tập bà đến Tòa án để trình bày ý kiến và yêu cầu; Tòa án triệu tập bà tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng, nhưng bà nộp đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải với lý do bà là người theo đạo Công giáo; Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập bà T tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng bà nộp đơn xin xét xử vắng mặt. Tất cả những lần triệu tập bà T mà Tòa án đã liệt kê bên trên nhằm mục đích để bà T trình bày ý kiến và nguyện vọng, để tạo điều kiện đôi bên có cơ hội hàn gắn hạnh phúc vợ chồng nhưng những lần triệu tập đó bà T đều nộp đơn xin vắng mặt cũng với lý do bà là người theo đạo Công giáo, điều này là không có cơ sở bởi vì tất cả công dân trên đất nước Việt Nam phải sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật, do vậy việc bà T không đến Tòa án hoặc không tham gia phiên hòa giải cũng như việc không tham gia phiên tòa xét xử vụ án thì bà phải chịu mọi thiệt thòi về quyền lợi. Bà thảo không tham gia phiên hòa giải, không tham gia phiên tòa, điều này Hội đồng xét xử có thể hiểu rằng bà T không còn có ý mong muốn có cuộc sống hạnh phúc gia đình, không còn thiết tha cuộc sống vợ chồng với ông V, do vậy Hội đồng xét xử xét nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của ông V ly hôn với T là giải pháp thỏa đáng.

1. Về con chung:

Ông V bà T khai nhận có hai con chung tên Trịnh Hoài Đức, sinh ngày 26/02/1992 và Trịnh Khương Duy sinh ngày 14/3/1997; do con chung đã thành niên,

không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về tài sản chung và nợ chung:

Ông V bà T khai nhận không có tài sản chung và không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Về án phí ly hôn sơ thẩm:

Ông V phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 57 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; và căn cứ Mục A, phần II, điểm 1, tiểu mục 1.1 Danh mục án phí, lệ phí tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

TUYÊN XỬ:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trịnh Hoài V đối với bà Đinh Thị Thu T; ông V được ly hôn với bà T. (ông V, bà T đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57/91 quyển số 01 đăng ký kết hôn tại UBND phường B, quận T, TP. Hồ Chí Minh ngày 03/4/1991.)

2. Về con chung:

Ông V bà T khai nhận có hai con chung tên Trịnh Hoài Đức, sinh ngày 26/02/1992 và Trịnh Khương Duy sinh ngày 14/3/1997; do con chung đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

Ông V bà T khai nhận không có tài sản chung và không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm là:

Án phí ly hôn sơ thẩm là: 300.000 đồng (trăm nghìn đồng) ông Trịnh Hoài V phải nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Chuyển số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) là tạm ứng án phí do ông V đã nộp theo biên lai thu tiền số

AA/2017/0006904 ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình thành tiền án phí, ông V nộp đủ án phí.

Án xử công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị bản án theo điều 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q. Tân Bình ;
- THA DS Q. Tân Bình
- UBND phường B, quận T, Tp. HCM ;
- Các đương sự ;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Đức

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA